

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 26/08/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		SAVR+IDUN	7:25	0+19	0+0		1+19	0+0	Chuyến 1 SAVR - IDUN
2		C10+TTC3+IDUN	7:25	5+3+11	0+0+0		0+0+16	0+0+0	
3		TTC2+MRM	9:25	1+17	0+0+0		1+20	0+0+0	
4		RC10+MRM	9:25	1+11	0+0		5+14	0+0	
5		BK4+RP3	11:25	17+4	0+0		12+0	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 26/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8427	ETD: 07:30
B.CARD: VANG-1	TO: SAVR - IDUN	CREW: HÙNG - MTHAO - DTÙNG	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/3919	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	MARMUAL SIREGAR	IDUN	62-63	2	14	3	51	92	CES	Indonesian
2	FRANCIS ROLWAN FALCON	IDUN	81-82	2	16			86	CES	Indian
3	RUDRA PRATAP RAI	IDUN	68-69	2	17			87	CES	Indian
4	BALRAJ SINGH SUKHVINDER SINGH	IDUN	72-73	2	17			70	CES	Indian
5	ROYSEN JACOB	IDUN	64-65	2	15			73	CES	Indian
6	DINIL XAVIER	IDUN	74-75	2	17			72	CES	Indian
7	HỒ MINH HOÀNG	IDUN	60	1	6			85	PVD OFFSHORE	Vietnamese
8	LÊ ANH DŨNG	IDUN	66	1	6			89	PVD OFFSHORE	Vietnamese
9	HOÀNG MẠNH HÙNG	IDUN	67	1	3			83	GETRACO	Vietnamese
10	LÊ PHÁT THỊNH	IDUN	87	1	5			92	GETRACO	Vietnamese
11	PHẠM VĂN ĐỒ	IDUN	76-77	2	11			64	PSV	Vietnamese
12	TRẦN TUẤN LINH	IDUN	78	1	6			57	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN PHÚ	IDUN	57-58	2	17			70	DMC-MI	Vietnamese
14	HOÀNG VĂN THẠO	IDUN	79-80	2	19			71	SLB	Vietnamese
15	LÊ VĂN NAM	IDUN	83-84	2	15			58	PVD LOGGING	Vietnamese
16	ĐÌNH TẤN VINH	IDUN	61	1	10			54	PVD LOGGING	Vietnamese
17	ĐÌNH THANH TÙNG	IDUN	85-86	2	15			61	PVD LOGGING	Vietnamese
18	MATTHEW MCNAMARA	IDUN	70	1	10			93	BORR	Australian
19	TRƯƠNG CÔNG TOẠI	IDUN	59	1	7			74	PVD OFFSHORE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	0	0	0	0	0	0	1		CHUYEN 01 PAX SAVR-IDUN
2	IDUN	19	1.431	30	226	3	51	19		
TOTAL		19	1.431	30	226	3	51	20		
WEIGHT KG			1.431		226		51			

GRAND TOAL: 1.708 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚY MAI

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 26/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8410	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: CLO - TTC3 - IDUN	CREW: TTRUNG - VTHẮNG - VŨ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/3922	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN XUÂN NGỌC	CLO	85	1	8			67	DVL	Vietnamese
2	VŨ VĂN TRUNG	CLO	82	1	16			76	DVL	Vietnamese
3	LÊ VĂN THẮNG	CLO	81	1	11			74	DVL	Vietnamese
4	TRẦN QUỐC HÙNG	CLO	83-84	2	14			73	DVL	Vietnamese
5	TRẦN VĂN NGHĨA	CLO	86	1	15	1	15	72	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU HỒ	TTC3	47-48	2	17			64	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG TRUNG	TTC3	51	1	9			79	CODIEN	Vietnamese
8	PHAN MẠNH HÙNG	TTC3	49-50	2	13			69	CODIEN	Vietnamese
9	BÙI VĂN TUẤN	IDUN	33	1	6			70	PVD OFFSHORE	Vietnamese
10	HOÀNG ĐỨC THÁI	IDUN	36	1	3			80	PVD OFFSHORE	Vietnamese
11	BÙI VĂN NAM	IDUN	30	1	6			64	PVD OFFSHORE	Vietnamese
12	MẠC THANH HOÀI	IDUN	31	1	5			72	PVD OFFSHORE	Vietnamese
13	ĐẬU SỸ HƯỚNG	IDUN	25	1	4			81	PVD OFFSHORE	Vietnamese
14	LƯƠNG ĐỨC THỌ	IDUN	32	1	6			82	PVD OFFSHORE	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN Ý	IDUN	37	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ ĐÌNH BÁ	IDUN	26-27	2	19	2	28	63	SCHLUMBERGER	Vietnamese
17	MOHAMAD GANI BIN MOHAMAD	IDUN	34-35	2	14			95	BORR	Malaysian
18	FRANCIS GEREGORY PEREIRA	IDUN	28-29	2	16			101	CES	Indian
19	PHAN CHÍ THÀNH	IDUN	23-24	2	12			74	BGCGK	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLO	5	362	6	64	1	15	0		
2	TTC3	3	212	5	39	0	0	0		
3	IDUN	11	856	15	98	2	28	16		
TOTAL		19	1.430	26	201	3	43	16		
WEIGHT KG			1.430		201		43			

GRAND TOAL: 1.674 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚY MAI

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

NGUYỄN THÀNH TRUNG
NGÔ VĂN THẮNG

☒
☐



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 26/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8427	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: TTC2 - TD1 - MRM	CREW: HUNG - MTHAO - DTUNG	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 03	VNHS FLIGHT: TM26/3920		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ PHƯƠNG	TTC2	54	1	10			65	KH-THAC	Vietnamese
2	LAI TIEN DUNG	TD1	54-55	2	8			65	DVL	Vietnamese
3	PHẠM ĐÌNH BẢO	MRM	71	1	9			72	KHOAN	Vietnamese
4	LÃ QUÝ DANH	MRM	74-75	2	15			60	DVL	Vietnamese
5	TSVETKOV OLEG	MRM	59	1	15			120	AMHGP	Russian
6	BEKESHEV TROLBEK	MRM	65-66	2	15			75	AMHGP	Russian
7	MANAKOV DENIS	MRM	60-61	2	17			86	AMHGP	Russian
8	KARPOV KIRILL	MRM	76	1	4			85	AMHGP	Russian
9	TOLMACHEV ALEKSANDR	MRM	77	1	7			103	AMHGP	Russian
10	TYSYACHNIK ALEXANDR	MRM	72-73	2	10			90	AMHGP	Russian
11	LÂM VĂN NHÂN	MRM	58	1	12			65	AMHGP	Vietnamese
12	KOROTKOV VICTOR	MRM	55	1	10			130	AMHGP	Russian
13	KONANOV IVAN	MRM	68	1	3			69	AMHGP	Russian
14	RAKHMANOV SERGEI	MRM	62-63	2	13			70	AMHGP	Russian
15	KARNIUKHIN VITALII	MRM	67	1	11			69	AMHGP	Russian
16	BULGANIN DANIL	MRM	70	1	15			103	AMHGP	Russian
17	BREZHNEV ARTEM	MRM	69	1	15			85	AMHGP	Russian
18	VANEEV ALEKSANDR	MRM	57	1	10			89	AMHGP	Russian
19	ZAKHARENKO VLADIMIR	MRM	56	1	11			98	AMHGP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TTC2	1	65	1	10	0	0	1		
2	TD1	1	65	2	8	0	0	4		
3	MRM	17	1.469	22	192	0	0	17		
TOTAL		19	1.599	25	210	0	0	22		
WEIGHT KG			1.599		210		0			

GRAND TOAL: 1.809 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỦY MAI

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HUNG

MAI VĂN THAO





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 26/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8410	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: RC10 - MRM	CREW: TTRUNG - VTHANG - VU	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 04	VNHS FLIGHT: TM26/3923		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN PHÚC NGUYỄN	RC10	36	1	12			80	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN LÊ	RC10	37-38	2	14			69	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM VĂN TOÁN	RC10	46-47	2	16			70	XAYLAP	Vietnamese
4	HÀ ĐỨC TÙNG	RC10	44	1	14	1	8	62	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN MINH TÚ	RC10	41	1	11	1	11	63	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ THẾ GIÁP	RC10	43	1	12			68	XAYLAP	Vietnamese
7	HOÀNG VĂN SANG	RC10	39-40	2	20			66	XAYLAP	Vietnamese
8	SAVELEV NIKITA	MRM	26	1	18			103	AMHGP	Russian
9	PETEL SERGEI	MRM	25	1	11			86	AMHGP	Russian
10	VASILII SEMENOV	MRM	31	1	11			85	AMHGP	Russian
11	ALEKSANDR BARILENKO	MRM	24	1	12			129	AMHGP	Russian
12	UVAISOV MAGOMED	MRM	29	1	8			77	AMHGP	Russian
13	STEPANOV OLEG	MRM	64	1	4			108	AMHGP	Russian
14	PIMAKIN OLEG	MRM	23	1	12			126	AMHGP	Russian
15	ZHURAVLEV ANATOLII	MRM	30	1	13			79	AMHGP	Russian
16	ISAKOV ALEKSEI	MRM	27	1	7			102	AMHGP	Russian
17	DOBRYNIN PAVEL	MRM	22	1	12			102	AMHGP	Russian
18	RULEV SEMEN	MRM	28	1	18			111	AMHGP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC10	7	478	10	99	2	19	5		
2	MRM	11	1.108	11	126	0	0	17		
TOTAL		18	1.586	21	225	2	19	22		
WEIGHT KG			1.586		225		19			

GRAND TOAL: 1.830 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỦY MAI

VNHS REP.

ĐẶNG THỦY ANH

CREW

NGUYỄN THÀNH TRUNG
NGÔ VĂN THẮNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 26/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8427	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: BK4 - RP3 - RC4	CREW: DƯƠNG - ĐNAM - TÚ	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/3921	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN QUỐC TOÀN	BK4	41	1	14	2	29	95	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN MẠNH HÀ	BK4	27	1	15	1	10	61	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐOÀN NGỌC ĐỊNH	BK4	33-34	2	13			72	XAYLAP	Vietnamese
4	HOÀNG VĂN CƯỜNG	BK4	29-30	2	20			74	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN TRUNG ĐĂNG	BK4	42	1	14			69	XAYLAP	Vietnamese
6	VÕ THANH BÌNH	BK4	48	1	15			56	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM TUẤN ANH	BK4	43-44	2	15			47	XAYLAP	Vietnamese
8	HOÀNG MẠNH HÀ	BK4	50-51	2	20			66	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN TIẾN TÀI	BK4	37-38	2	15			76	XAYLAP	Vietnamese
10	VÕ VĂN LINH	BK4	55-56	2	20			57	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐẶNG XUÂN VĂN	BK4	49	1	16			80	XAYLAP	Vietnamese
12	HÀN CÔNG VIÊN	BK4	52-53	2	20			77	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN SƠN	BK4	39-40	2	19			62	XAYLAP	Vietnamese
14	HOÀNG VĂN THÀNH	BK4	35-36	2	20			66	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN LỘC	BK4	45-46	2	13	1	11	61	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐỖ TRỌNG LƯỢNG	BK4	31	1	15	1	7	60	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN HỒ QUANG	BK4	54	1	16			58	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐÀO CHÍ THANH	RP3	37	1	11			82	CODIEN	Vietnamese
19	PHẠM VĂN HỮU	RP3	38	1	11			63	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐỨC THIỆN	RP3	39	1	17	1	12	52	CODIEN	Vietnamese
21	TRẦN HỮU TRÍ	RP3	41	1	12			84	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK4	17	1.137	27	280	5	57	12		
2	RP3	4	281	4	51	1	12	0		
3	RC4	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		21	1.418	31	331	6	69	16		
WEIGHT KG			1.418		331		69			

GRAND TOAL: 1.818 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚY MAI

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

NGUYỄN ĐỨC NAM

